

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30 – 9 – 2025

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải;

Ông Lê Thanh Sơn.

- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Hoàng Thiên Kim – Thư ký Toà án nhân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên toà: ông Nguyễn Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị C, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố T, phường G, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1975; địa chỉ: khu phố T, phường G, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Lê Thị C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn B chung sống với nhau từ năm 2018, do tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh, chị chung sống với nhau được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra, từ lúc về sống chung, anh B không đi làm, không có thu nhập nên hàng ngày chị phải chu cấp tiền cho anh B tiêu xài cá nhân. Từ ngày anh B sử dụng chất ma túy thì anh B thường xuyên quậy phá, mắng chửi và hăm dọa tính mạng, sức khỏe của chị. Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc nên nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Chị và anh B không có con chung, không có tài sản chung cũng không có nợ chung với ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 9 năm 2025, bị đơn – anh Nguyễn Văn B trình chị:

Anh không nhớ chính xác thời gian anh và chị C chung sống với nhau là năm nào. Khi về sống chung với nhau, anh và chị C sống tại nhà riêng của chị C tại khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố T, phường G, tỉnh Tây Ninh). Anh và chị C chung sống do tự nguyện nhưng không tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Nay chị C yêu cầu ly hôn, anh B cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh và chị C chung sống không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: anh B trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn B; về con chung, tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết; về án phí: chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C, anh B là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn B đều thống nhất trình bày, anh, chị tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường G, tỉnh Tây Ninh thể hiện, từ năm 2018 cho đến nay, chị C và anh B không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G (nay là phường G), tỉnh Tây Ninh. Như vậy, việc chị C và anh B chung sống với nhau như vợ

chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn B.

[3] Về con chung: chị C và anh B trình bày, anh, chị chung sống không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị C và anh B trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị C, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003805 ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị C đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: chị C, anh B được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND T.Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã kí và đóng dấu)

Phạm Thị Yến